TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO **TẠI ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **430**/2021/HS-PT
Ngày 16/11/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Tấn Trường**

Các Thẩm phán: Ông **Trương Minh Tuấn**

Ông **Mai Xuân Thành**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Văn Thị Mỹ Thảo** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Thế Vinh** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 216/2021/TLPT-HS ngày 25/02/2021 đối với bị cáo Đỗ Ngọc L và đồng phạm về các tội như sau: bị cáo Đỗ Ngọc L phạm các tội: "Giết người"; "Bắt, giữ người trái pháp luật" và tội "Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng". Bị cáo Lầu Thái Bảo K phạm các tội: "Giết người"; "Bắt, giữ người trái pháp luật" và tội "Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng". Bị cáo Phạm Văn T phạm các tội: "Giết người"; "Bắt, giữ người trái pháp luật" và tội "Vận chuyển trái phép vũ khí quân dụng". Bị cáo Đinh Văn P và Trương Thái Đ phạm các tội: "Giết người" và tội "Bắt, giữ người trái pháp luật". Bị cáo Lê Đ H và C Văn P phạm tội "Bắt, giữ người trái pháp luật". Do có kháng cáo của các bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2021/HS-ST ngày 20 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 325/2021/QĐXXPT-HS ngày 28 tháng 10 năm 2021.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Đỗ Ngọc L. Tên gọi khác: T. Sinh ngày 14/5/1985 tại P, Gia Lai. Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: thành phố P, tỉnh Gia Lai. Nghề nghiệp: không; Trình độ

học vấn: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ P và bà Trần Thị C; bị cáo có vợ là La Thị Anh T, có 02 con; tiền án: không, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 18/12/2000, phạm tội Cướp tài sản bị Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xử phúc thẩm xử phạt 05 năm tù giam đến năm 2005 chấp hành xong hình phạt về địa phương sinh sống.

Năm 2007 có hành vi Gây rối trật tự công cộng bị đưa vào Cơ sở giáo dục bắt buộc theo Quyết định số: 1711/QĐ-UB (NC) ngày 13/11/2006 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai. Chấp hành tại Cơ sở giáo dục bắt buộc Đ, Đắk Lắk đến năm 2009 thì chấp hành xong.

Ngày 20/02/2011, phạm tội "Cố ý gây thương tích" và "Cố ý làm hư hỏng tài sản" bị TAND tỉnh Gia Lai xử phạt 18 tháng tù giam. Chấp hành hình phạt tù tại Trại giam G đến năm 2013 chấp hành xong hình phạt tù về địa phương sinh sống. Bị cáo bị truy nã, ra đầu thú ngày 17/3/2019 và bị tạm giữ, tạm giam cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai, có mặt.

2. Lầu Thái Bảo K. Tên gọi khác: K Bồ chao. Sinh ngày 19/12/1985 tại P, Gia Lai. Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: thành phố P, tỉnh Gia Lai. Nghề nghiệp: buôn bán; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Hoa; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lầu A S và bà Thái Thị Tuyết H; bị cáo có vợ là Hồ Thị Diễm M, có 01 con; tiền án: không, tiền sự: không. Nhân thân: Năm 2004, có hành vi "Trộm cắp tài sản"; năm 2005 có hành vi "Cố ý gây thương tích" bị Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xử phạt 2 tội là 03 năm tù giam, chấp hành hình phạt tù tại Trại giam Đ đến năm 2007 chấp hành xong hình phạt về địa phương sinh sống. Bị cáo đầu thú ngày 10/01/2019 và bị tạm giữ, tạm giam cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai, có mặt.

3. Phạm Văn T. Tên gọi khác: T lác. Sinh ngày 09/9/1983 tại P, Gia Lai. Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: thành phố P, tỉnh Gia Lai. Nghề nghiệp: thợ xây; Trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn K và bà Trần Thị Lệ; bị cáo có vợ là Huỳnh Thị Thu H (đã ly hôn), có 01 con; tiền án: không, tiền sự: không. Bị cáo đầu thú ngày 10/01/2019 và bị tạm giữ, tạm giam cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai, có mặt.

4. Đinh Văn P. Tên gọi khác: P ly. Sinh ngày 13/01/1989 tại Đắk Lắk.

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: thành phố P, tỉnh Gia Lai. Nghề nghiệp: thợ hồ; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Văn C (đã chết) và bà Nguyễn Thị L; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Bích H, chưa có con; tiền án: 01 tiền án năm 2010, phạm tội "Cướp giật tài sản" bị Cơ quan CSĐT Công an thành phố P khởi tố bị can nhưng bỏ trốn và bị ra Quyết định truy nã. Đến ngày 11/11/2014, bị Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xử phạt 04 năm 03 tháng tù giam. Chấp hành hình phạt tù tại Trại giam G đến năm 2017, chấp hành xong hình phạt tù về địa phương sinh sống; tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 17/6/2009, Có hành vi Trộm cắp tài sản bị Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ khởi tố bị can, sau đó được đình chỉ điều tra. Ngày 13/8/2009, Công an huyện Đ ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính 150.000đ. Ngày 13/01/2010, có hành vi Trộm cắp tài sản bị Công an phường H ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính 200.000đ. Bị cáo bị truy nã, ra đầu thú ngày 14/02/2019 và bị tạm giữ, tạm giam cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai, có mặt.

5. Trương Thái Đ. Tên gọi khác: Đ rị. Sinh ngày 29/11/1996 tại P, Gia Lai. Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: thành phố P, tỉnh Gia Lai. Nghề nghiệp: thợ sắt, nhôm; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Thái D và bà Nguyễn Thị V (không rõ làm gì, ở đâu), mẹ kế là Thạch T S; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: 01 tiền án, Năm 2013, có hành vi Trộm cắp tài sản, bị Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm xử phạt 04 năm 06 tháng tù, chấp hành hình phạt tù tại Trại giam G đến năm 2017, chấp hành xong hình phạt tù về địa phương sinh sống; tiền sự: 01 tiền sự, ngày 30/6/2018 có hành vi tàng trữ hung khí tự chế bị Công an phường P ra Quyết định xử phạt hành chính 2.500.000đ đã nộp phạt vào ngày 31/7/2019. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/4/2019 cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai, có mặt.

6. Lê Đ H. Tên gọi khác: T. Sinh ngày 17/8/1989 tại P, Gia Lai. Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: thành phố P, tỉnh Gia Lai. Nghề nghiệp: lái xe; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Mạnh H và bà Nguyễn Thị H; bị cáo có vợ là Trần Thu T, và có 02 con; tiền án: không; tiền sự: không. Nhân thân: Ngày 07/12/2020 bị Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xử phạt 02 (hai) năm tù về tội "Đánh bạc" (bản án số 20/2020/HSST-CTN, chưa có hiệu lực pháp luật). Bị cáo đầu thú ngày 15/01/2019 và bị tạm giữ đến ngày 24/01/2019 được áp dụng biện pháp ngăn

chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại, có mặt.

7. C Văn P. Tên gọi khác: C. Sinh ngày 05/10/1992 tại P, Gia Lai. Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: thành phố P, tỉnh Gia Lai. Nghề nghiệp: lái xe; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông C Văn L (đã chết) và bà Nguyễn Thị V; bị cáo có vợ là Lê Thị Thu H, và có 01 con; tiền án: không; tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại, có mặt.

Những người tham gia tố tụng khác:

* Người bào chữa cho bị cáo Đỗ Ngọc L: Ông Tống Đ N là Luật sư thuộc Đoàn luật sư tỉnh Gia Lai. Có mặt;

* Người bào chữa cho bị cáo Lầu Thái Bảo K: ông Trần Văn G là Luật sư thuộc Đoàn luật sư tỉnh Gia Lai. Có mặt;

* Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn T: Bà Trần Đại H là Luật sư thuộc Đoàn luật sư tỉnh Gia Lai. Có mặt;

* Người bào chữa cho bị cáo Đinh Văn P: Ông Hoàng Ngọc X là Luật sư thuộc Đoàn luật sư tỉnh Gia Lai. Có mặt;

* Người bào chữa cho bị cáo Trương Thái Đ: Ông Huỳnh Văn K là Luật sư thuộc Đoàn luật sư tỉnh Gia Lai. Có mặt.

* *Người đại diện hợp pháp của bị hại Lê Đình Hữu P1 (đã chết):*

Ông Lê Đình H, Sinh năm 1930 (cha bị hại), Vắng mặt

Trú tại: thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Bà Võ Thị H, Sinh năm: 1965 (vợ bị hại). Các con ruột của bị hại: Chị Lê Thị Bích T, anh Lê Đình T, chị Lê Thị Bích T, anh Lê Đình Đ và anh Lê Đình Hữu N, vắng anh Lê Đình Đ, còn lại đều có mặt.

Cùng trú tại: thành phố P, tỉnh Gia Lai.

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đại diện hợp pháp của bị hại:*

Ông Nguyễn Ngọc L là Luật sư thuộc văn phòng luật sư C, Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt

Bà Lại Nam H – Văn phòng luật sư H- Chi nhánh 3, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Địa chỉ: tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Chị La Thị Anh T, Sinh năm 1989

Trú tại: thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của chị La Thị Anh T: Ông Tống Đ N là Luật sư thuộc Đoàn luật sư tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Bà Lê Thị C, Sinh năm: 1971

Trú tại: thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có người làm chứng không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13 giờ ngày 09/01/2019, Đỗ Ngọc L rủ Lầu Thái Bảo K và các anh Trần Văn D, Đặng Thanh B đến quán Karaoke T ở số 113 đường Q, thành phố P, tỉnh Gia Lai hát và uống bia. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, L điện thoại nhờ Phạm Văn T đến Khu du lịch Về Nguồn lấy một khẩu súng hiệu RG88 và 05 viên đạn cao su (là súng do L cất giấu từ trước). Khi T mang súng đến quán Karaoke thì L cất giấu vào trong người. Sau khi hát Karaoke xong, nhóm của L đến quán A (thuộc phường D, thành phố P) tiếp tục uống bia. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, L cùng anh D, anh B, K và T đến quán nhậu vỉa hè thành phố P, tỉnh Gia Lai tiếp tục uống bia. Tại đây, L và K gọi điện thoại rủ C Văn P và Lê Đ H đến cùng uống. Trong lúc uống bia, Đỗ Ngọc L điện thoại cho anh Lê Đình Hữu P1 để đòi nợ tiền (theo lời khai của L vào khoảng tháng 12/2018, anh P1 có nợ của L số tiền: 120.000.000đ nhưng chưa trả). Sau đó, L nhờ T chạy về Khu du lịch Về Nguồn lấy thêm một khẩu súng K54 và 03 viên đạn mang đến cho L. Ngay lúc này, Đinh Văn P và Trương Thái Đ đi xe máy ngang qua thì L gọi P và Đ vào cùng uống bia. Khoảng 05 phút sau, L rủ K, T, P, Đ, H và P lên xe ô tô đi cùng L, còn anh Trần Văn D và anh Đặng Thanh B đi về.

Đến khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, Đỗ Ngọc L điều khiển xe ô tô bán tải biển kiểm soát 81C - 091.00 chở K, T, P, Đ, H và P đến nhà anh P1 tại tổ 14, phường Hội Phú, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Trên đường đi, T đưa khẩu súng K54 (trong hộp tiếp đạn có 03 viên đạn) cho K giấu vào trong người. Thấy

nhóm của L đến, anh P1 ra mở cổng, L và K đi vào ngồi ở bàn ghế đá ngay hiên nhà và yêu cầu anh P1 trả tiền nợ; còn P cầm một con dao, Đ cầm một con dao cùng T đứng tại sân và cổng nhà mục đích để không cho ai ra vào. Riêng H và P vẫn ngồi trên xe ô tô 81C - 091.00 đỗ ngoài đường trước cổng nhà anh P1. Do anh P1 chưa có tiền trả nên L cầm khẩu súng hiệu RG88 đe dọa, còn K cầm khẩu súng K54 bắn một phát chỉ thiên và yêu cầu anh P1 trả nợ. Bực tức vì không lấy được tiền, L xông vào dùng tay đánh nhiều cái vào đầu và mặt, dùng chân đá nhiều cái vào bụng anh P1; K dùng tay đánh nhiều cái vào mặt, dùng súng K54 đánh vào đầu anh P1, còn P dùng tay đánh nhiều cái vào mặt, dùng cán dao đánh vào vai của anh P1 và yêu cầu anh P1 phải viết giấy nợ tiền. Bị đánh, anh P1 bỏ chạy ra cổng thì bị Đ và T ngăn chặn, đóng cổng lại không cho anh P1 chạy ra ngoài. Anh P1 đi vào nhà thì L, K, P tiếp tục dùng tay, chân đánh vào người anh P1. Lúc này, chị Lê Thị C (sinh năm 1971, là người sống chung như vợ chồng với anh P1) đi về thấy anh P1 bị đánh nên đi vào để can ngăn nhưng Đ đứng chặn ở cổng không cho chị C vào. Sau đó, L nói Đ ra quán tạp hóa gần đó mua một quyển vở và một cây bút để cho anh P1 viết giấy nợ. Sau khi đánh anh P1 khoảng 20 phút, L yêu cầu anh P1 lên xe ô tô đi cùng nhóm của L, sợ bị đánh tiếp anh P1 buộc phải lên xe. Sau đó, Lê Đ H điều khiển xe ô tô 81C - 091.00 chở L, K, T, P, P, Đ và anh P1 đi tìm quán cà phê để anh P1 viết giấy nợ nhưng khi đi đến đường N, L bảo H chạy xe vào bên trong khu vực nghĩa trang thành phố P để yêu cầu anh P1 xuống xe viết giấy nợ. Khi xuống xe, anh P1 bỏ chạy được khoảng 70m thì bị vấp ngã xuống mương cạn bên lề đường. Thấy anh P1 bỏ chạy, nhóm của L đuổi theo bắt được anh P1 và khiêng lên xe ô tô chở đến xưởng gỗ P1 T do anh Võ Văn B quản lý thuộc thành phố P, tỉnh Gia Lai. Khi đến nơi thấy anh P1 khó thở, anh B đã gọi điện cho anh Trần Quốc Đ lái xe Taxi Sun chở anh P1 đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Gia Lai cấp cứu. Đến khoảng 03 giờ 40 phút ngày 10/01/2019, anh Lê Đình Hữu P1 chết.

Khi đưa anh P1 vào xưởng gỗ P1 T, Phạm Văn T cầm hai khẩu súng (một khẩu súng K54, một khẩu súng hiệu RG88 và 05 viên đạn cao su) bỏ vào túi ni lông màu đen cột chặt lại rồi nhờ anh Võ Văn B vứt dùm. Sau đó, H điều khiển xe ô tô 81C - 091.00 chở K, T, P, Đ và P đi về, còn Đỗ Ngọc L ở lại xưởng gỗ của anh B ngủ. Đến khoảng 10 giờ ngày 10/01/2019, nghe tin anh P1 chết nên Lầu Thái Bảo K và Phạm Văn T ra đầu thú khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Khoảng 10 giờ ngày 10/01/2019, anh Nguyễn Văn S đến xưởng gỗ của

anh B chơi, anh B đưa chiếc túi ni lông màu đen nhờ anh S vứt đùm. Khi đi ra ngoài cổng xưởng gỗ anh S đã vứt chiếc túi vào gốc cây mít gần đó.

Nhận được tin báo, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Gia Lai đã tổ chức khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi và truy tìm vật chứng của vụ án để điều tra, xử lý.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về tử thi Số 142/GĐPY ngày 25/01/2019, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai kết luận anh Lê Đình Hữu P1 chết do: *"Chấn thương sọ não; dập, vỡ rách gan do tác động của vật tày"*,

Tại Bản Kết luận giám định số 99/C09C-Đ3, Phân viện K học hình sự tại thành phố Đà Nẵng kết luận:

"Khẩu súng số "22019387 66" gửi giám định là súng ngắn K54, sử dụng loại đạn cỡ (7,62 X 25)mm, còn bắn được đạn nổ và thuộc vũ khí quân dụng.

Vỏ đạn ký hiệu: "711 E" gửi giám định là của loại đạn cỡ (7,62 x 25)mm, và do khẩu súng ngắn K54 trên bắn ra. Loại đạn này thuộc vũ khí quân dụng.

Khẩu súng có các chữ, số "ROHM RG88 Germany CAL 9mm P.A. Knallpatrone" gửi giám định là súng ngắn RG88 cỡ nòng 9mm dùng để bắn đạn cao su, đạn hơi cay và đạn nổ uy hiếp, cỡ (9 x 22)mm, không phải vũ khí.

Hộp tiếp đạn gửi giám định sử dụng cho loại súng RG88 nêu trên.

05 (năm) viên đạn gửi giám định sử dụng cho loại súng công cụ hỗ trợ, không phải vũ khí".

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2021/HS-ST ngày 20/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã quyết định:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Đỗ Ngọc L phạm các tội: "Giết người"; "Bắt, giữ người trái pháp luật" và tội "Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng". Bị cáo Lầu Thái Bảo K phạm các tội: "Giết người"; "Bắt, giữ người trái pháp luật" và tội "Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng". Bị cáo Phạm Văn T phạm các tội: "Giết người"; "Bắt, giữ người trái pháp luật" và tội "Vận chuyển trái phép vũ khí quân dụng". Bị cáo Đinh Văn P và Trương Thái Đ phạm các tội: "Giết người" và tội "Bắt, giữ người trái pháp luật". Bị cáo Lê Đ H và C Văn P phạm tội "Bắt, giữ người trái pháp luật".

2. Điều luật áp dụng và hình phạt:

- Đối với bị cáo Đỗ Ngọc L:

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo mức án **19** (mười chín) **năm** tù về tội "Giết người".

Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo mức án **02** (hai) **năm** tù về tội "Bắt, giữ người trái pháp luật".

Áp dụng khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo mức án **04** (bốn) **năm** tù về tội "Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng".

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của 03 tội là **25** (hai mươi lăm) **năm** tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/3/2019.

- Đối với bị cáo Lầu Thái Bảo K:

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo mức án **18** (mười tám) **năm** tù về tội "Giết người"

Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo mức án **01** (một) **năm 06** (sáu) **tháng** tù về tội "Bắt, giữ người trái pháp luật".

Áp dụng khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo mức án **04** (bốn) **năm** tù về tội "Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng".

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của 03 tội là **23** (hai mươi ba) **năm 06** (sáu) **tháng** tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính tù ngày 10/01/2019.

-Đối với bị cáo Phạm Văn T:

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo mức án **17** (mười bảy) **năm** tù về tội "Giết người".

Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo mức án **01** (một) **năm 06** (sáu) **tháng** tù về tội "Bắt, giữ người trái pháp luật".

Áp dụng khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo mức án **03** (ba) **năm** tù về tội "Vận chuyển trái phép vũ khí quân dụng".

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của 03 tội là **21** (hai mươi mốt) **năm 06** (sáu) **tháng** tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/01/2019.

- Đối với bị cáo Đinh Văn P:

Áp dụng điểm n, p khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo mức án **18** (mười tám) **năm** tù về tội "Giết người"

Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm s khoản 1, Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo mức án **01** (một) **năm 06** (sáu) **tháng** tù về tội "Bắt, giữ người trái pháp luật".

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của 03 tội là **19** (mười chín) **năm 06** (sáu) **tháng** tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/02/2019.

- Đối với bị cáo Trương Thái Đ:

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo mức án **17** (mười bảy) **năm** tù về tội "Giết người".

Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo mức án **01** (một) **năm 06** (sáu) **tháng** tù về tội "Bắt, giữ người trái pháp luật".

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của 03 tội là **18** (mười tám) **năm 06** (sáu) **tháng** tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22/4/2019.

- Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo **Lê Đ H** mức án **01** (một) **năm** tù về tội "Bắt, giữ người trái pháp luật". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án được trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 15/01/2019 đến ngày 24/01/2019.

- Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm b, s, i khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo **C Văn P** mức án **01** (một) **năm** tù về tội

“Bắt, giữ người trái pháp luật”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, vật chứng, án phí, quyền thi hành án dân sự và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 25/01/2021, đại diện cho người bị hại Lê Đình Hữu P1 có các ông bà: Võ Thị H, Lê Thị Bích T, Lê Đình T, Lê Thị Bích T và Lê Hữu N kháng cáo toàn bộ bản án, với nội dung: Các bị cáo bị xử phạt với mức án như trên là quá nhẹ chưa tương xứng hành vi phạm tội, không đủ sức ren đe giáo dục và phòng ngừa chung; bởi các lý do: Các bị cáo phạm tội có tổ chức, có tính côn đồ, phạm tội đến cùng, phạm tội liền sau đó phạm tội đặc biệt nghiêm trọng (tội cướp tài sản và tội cưỡng đoạt tài sản) và bỏ lọt “tội cướp tài sản” đối với Đ, K và P. Chưa làm rõ tài sản của bị hại là sợi dây chuyền vàng 18K bị mất, trong khi Camera do gia đình cung cấp được giám định thể hiện khi các bị cáo đánh bị hại P1 còn đeo; sau đó không còn và bị cáo K cúi xuống nhặt một vật đưa cho bị cáo bị cáo Đ; bị cáo P cũng nhặt một vật bỏ vô túi; nhưng K và P khai là võ đạn, trong khi võ đạn được tìm thấy ở thềm nhà bà Lê Thị C. Có 2 hành vi cấu thành tội “Cưỡng đoạt tài sản” bị bỏ lọt tội là: Bị cáo L buộc bị hại giao chiếc xe ôtô bán tải Toyota 81C-029.64 của bị hại và các bị cáo đánh đập buộc bị hại phải viết giấy nợ 120.000.000đ. Bỏ lọt tội “giết người” đối với bị cáo Lê Đ H và C Văn P, vì 2 bị cáo này tham gia từ đầu nên có vai trò giúp sức về mặt tinh thần. Việc bị cáo L khai là bị hại có mượn 120.000.000đ là vu khống, nhưng cấp sơ thẩm cho rằng thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nhằm giảm nhẹ cho bị cáo L là không đúng.

Ngày 25/01/2021 bị cáo Lê Đ H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, với lý do bị xử phạt 01 năm tù là quá nặng. Bởi lẽ: Tôi đã thành khẩn khai báo nhận tội; hoàn cảnh gia đình hết sức khó khăn, tôi là lao động chính, vợ không có việc làm và đang nuôi 04 con nhỏ;

Ngày 25/01/2021 bị cáo Phạm Văn T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, với lý do bị xử phạt 21 năm 6 tháng tù là quá nghiêm khắc so với hành vi phạm tội.

Ngày 26 và 27/01/2021 bị cáo C Văn P kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo, với lý do bị xử phạt 01 năm tù là đúng. Tuy nhiên bị cáo luôn chấp hành pháp luật, chưa có tiền án, tiền sự; có nơi cư trú rõ ràng; hoàn cảnh gia đình khó khăn, vợ không có việc làm, bản thân là lao động chính đang nuôi 2 con nhỏ dại.

Ngày 28/01/2021 bị cáo Trương Thái Đ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, với lý do bị xử phạt 18 năm 6 tháng tù là quá nặng so với hành vi phạm tội.

Ngày 28/01/2021 bị cáo Đinh Văn P kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, với lý do bị xử phạt 19 năm 6 tháng tù là quá nghiêm khắc so với hành vi phạm tội.

Ngày 29/01/2021, người liên quan La Thị Anh T là vợ của bị cáo Đỗ Ngọc L kháng cáo đề nghị không tịch thu xe ôtô Toyota biển kiểm soát 81C-091-00, vì đây là tài sản riêng của bà có trước khi kết hôn với bị cáo L.

Ngày 29/01/2021 bị cáo Lầu Thái Bảo K kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, với lý do bị xử phạt 25 năm tù là quá nặng.

Ngày 01/02/2021 bị cáo Đỗ Ngọc L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, với lý do bị xử phạt 23 năm 06 tháng tù là quá nặng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo Đỗ Ngọc L, Lầu Thái Bảo K, Phạm Văn T, Đinh Văn P, Trương Thái Đ, Lê Đ H vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo C Văn P giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo. Những người đại diện hợp pháp của người bị hại Lê Đình Hữu P1, các ông bà Võ Thị H, Lê Thị Bích T, Lê Đình T, Lê Thị Bích T và Lê Hữu N vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo yêu cầu truy cứu trách nhiệm hình sự thêm tội "Cướp tài sản" và tội "Cưỡng đoạt tài sản" đối với tất cả các bị cáo; tội "Giết người" đối với bị cáo P và H; tăng hình phạt tất cả các tội đối với các bị cáo. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bà La Thị Anh T vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị không tịch thu xe ôt ô của bà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm về vụ án cho rằng: Về tố tụng, HĐXX tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, về nội dung, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ căn cứ xác định Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo là đúng người đúng tội. Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Đỗ Ngọc L, Lầu Thái Bảo K, Phạm Văn T, Đinh Văn P, Trương Thái Đ, Lê Đ H và C Văn P tuy có cung cấp được tình tiết giảm nhẹ mới là khắc phục thêm một số tiền, nhưng không có cơ sở xem xét chấp nhận kháng cáo giảm nhẹ hình phạt cũng như một số bị cáo xin hưởng án treo. Đối với kháng cáo của những người Đại diện hợp pháp của người bị hại và

người liên quan, đại diện Viện kiểm sát có ý kiến đề nghị HĐXX không chấp nhận; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư Tống Đ N bào chữa cho bị cáo Đỗ Ngọc L và bảo vệ cho bà La Thị Anh T có ý kiến: Bị cáo L không có tình tiết tăng nặng nào, cả 3 tội danh đều có tình tiết giảm nhẹ nhưng án sơ thẩm xử phạt 19 năm tù về tội giết người là quá nặng; tình tiết mới là bị cáo có bồi thường thêm 30.000.000đ, nên đề nghị HĐXX giảm nhẹ cho bị cáo phần nào. Đối với kháng cáo của bà T, xét thấy xe ô tô trên được mua trong thời kỳ hôn nhân, nhưng tiền là của riêng bà T, nên đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo trả lại xe cho bà T.

Luật sư Trần Văn G bào chữa cho bị cáo Lầu Thái Bảo K có ý kiến: Bị cáo K chỉ có vai trò là người giúp sức, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, tình tiết mới là khắc phục cho đại diện người bị hại thêm 50.000.000đ; bị cáo là lao động chính, vợ không có việc làm, đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Luật sư Trần Đại H bào chữa cho bị cáo Phạm Văn T có ý kiến: Bị cáo T có vai trò đồng phạm, không phải là chủ mưu, cầm đầu, nhưng án sơ thẩm xử phạt bị cáo 21 năm 6 tháng tù là quá nặng; sau khi phạm tội bị cáo đã vận động tích cực gia đình bồi thường khắc phục cho gia đình bị hại; đề nghị HĐXX xem xét lại mức án giết người 17 năm tù là cao, nên giảm nhẹ phần nào.

Luật sư Hoàng Ngọc X bào chữa cho bị cáo Đinh Văn P có ý kiến: Bị cáo P đã bồi thường khắc phục được một phần; án sơ thẩm xác định bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS nhưng xử quá nghiêm khắc; đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

Luật sư Huỳnh Văn K bào chữa cho bị cáo Trương Thái Đ có ý kiến: Bị cáo Đ bị xử phạt 18 năm tù là quá nghiêm khắc; tội giết người của bị cáo là đồng phạm và vai trò quá mờ nhạt, bị cáo bị rủ rê đi theo chứ không trực tiếp gây án; sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo bồi thường thêm 10.000.000đ, đây là tình tiết giảm nhẹ mới, nên đề nghị HĐXX giảm án cho bị cáo.

Anh Lê Đình T, đại diện cho gia đình bị hại có ý kiến: Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo khai báo quanh co chối tội, không thành khẩn, lời khai không thuyết phục, đề nghị HĐXX không giảm án mà truy cứu thêm tội đối với các bị cáo như đã kháng cáo; cha tôi là trụ cột, lao động chính trong gia đình nhưng các bị cáo đã nở tâm giết chết, gia đình chúng tôi chưa thỏa mãn rất ấm ức. Gia đình các bị cáo chưa một lần qua nhà tôi thắp hương, xin lỗi; nên đề nghị HĐXX xét xử nghiêm minh.

Bà La Thị Anh T có ý kiến: Gia đình chúng tôi đã bồi thường 50.000.000đ cho gia đình bị hại; việc chúng tôi không qua được thăm hỏi là do gia đình bị hại không cho, không đồng ý, nên chúng tôi không thể qua được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Chỉ vì cho rằng anh Lê Đình Hữu P1 có nợ Đỗ Ngọc L 120.000.000đ mà vào lúc 17h30 ngày 09/01/2019 tại nhà anh P1, tổ 14 phường Hội Phú, thành phố P, tỉnh Gia Lai bị cáo L cùng đồng phạm đã dùng tay, chân, súng đánh đá nhiều cái vào đầu, ngực, vai của anh P1 và bắt giữ ép anh P1 lên xe ôtô của L chở đi nơi vắng vẻ để ép buộc anh P1 viết giấy nợ. Hậu quả anh P1 đã chết vào lúc 03h40 ngày 10/01/2019 tại bệnh viện đa khoa tỉnh Gia Lai, với kết quả giám định *"chấn thương sọ não; dập, vỡ rách gan do tác động của vật tày"*. Với hành vi và hậu quả như trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo ở 05 nhóm tội: Bị cáo Đỗ Ngọc L các tội : "Giết người"; "Bắt, giữ người trái pháp luật" và "Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng" . Bị cáo Lầu Thái Bảo K các tội : "Giết người"; "Bắt, giữ người trái pháp luật" và tội "Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng". Bị cáo Phạm Văn T các tội: "Giết người"; "Bắt, giữ người trái pháp luật" và tội "Vận chuyển trái phép vũ khí quân dụng". Bị cáo Đinh Văn P và Trương Thái Đ các tội: "Giết người" và tội "Bắt, giữ người trái pháp luật". Bị cáo Lê Đ H và C Văn P phạm tội "Bắt, giữ người trái pháp luật".

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Đỗ Ngọc L; HĐXX thấy rằng: Bị cáo là người chủ mưu, cầm đầu, người trực tiếp sử dụng xe ôtô của mình chở đồng phạm đến nhà anh P1; là người tàng trữ và sử dụng súng đe đọa anh P1; đánh, đá nhiều cái vào đầu, mặt, bụng anh P1; bắt giữ không cho ra khỏi nhà, ép buộc anh P1 lên xe chở đi viết giấy nợ. Với bản chất côn đồ hung hãn và hàng loạt hành vi phạm tội như trên, tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng một số tình tiết giảm nhẹ như bồi thường thiệt hại; ăn năn hối cải; thành khẩn khai báo tại điểm b, s khoản 1 Điều 51; áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123 *(có khung hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình)* xử phạt 19 năm về tội "Giết người"; khoản 1 Điều 157 (*có khung hình phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm*) xử phạt 2 năm về tội "Bắt, giữ người trái pháp luật"; khoản 1 Điều 304 (*có khung hình phạt tù từ 1 năm đến 7 năm*) xử phạt 4 năm tù về tội "Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng" là thỏa đáng. Bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ nào đáng kể để

được xem xét chấp nhận. Do vậy HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và đề nghị của Luật sư; giữ nguyên phần hình phạt như đề nghị của Kiểm sát viên.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lầu Thái Bảo K, thấy rằng: Bị cáo K là người có vai trò sau bị cáo L, khi nghe bị cáo L rủ rê đến nhà anh P1, bị cáo K hưởng ứng tích cực và cất giữ 1 khẩu súng vào người; khi đến nhà anh P1, bị cáo là người dùng tay đánh nhiều cái vào mặt và dùng súng K54 đánh nhiều cái vào đầu anh P1. Với hành vi phạm tội như trên, bị cáo có nhân thân xấu, án sơ thẩm đã áp dụng một số tình tiết giảm nhẹ như bồi thường thiệt hại; ăn năn hối cải; thành khẩn khai báo tại điểm b, s khoản 1, và một số tình tiết giảm nhẹ khác ở khoản 2 Điều 51; điểm n khoản 1 Điều 123 *(có khung hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình)* xử phạt 18 năm về tội "Giết người"; khoản 1 Điều 157 (*có khung hình phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm*) xử phạt 1 năm 6 tháng về tội "Bắt, giữ người trái pháp luật"; khoản 1 Điều 304 (*có khung hình phạt tù từ 1 năm đến 7 năm*) xử phạt 4 năm tù về tội "Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng" là thỏa đáng. Bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ nào đáng kể để được xem xét chấp nhận. Do vậy HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và đề nghị của Luật sư; giữ nguyên phần hình phạt như đề nghị của Kiểm sát viên.

[4] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Phạm Văn T; HĐXX thấy rằng: Bị cáo T là người có vai trò sau bị cáo K, khi nghe bị cáo L nhờ đi lấy súng cho bị cáo L, bị cáo T hưởng ứng tích cực và đã 2 lần đi lấy súng mang về cho L, cho K; khi đến nhà anh P1, bị cáo là người đứng canh giữ nơi cổng, đóng cổng không cho anh P1 thoát để đồng phạm đánh đập anh P1. Với hành vi phạm tội như trên, án sơ thẩm đã áp dụng một số tình tiết giảm nhẹ như bồi thường thiệt hại; ăn năn hối cải; thành khẩn khai báo tại điểm b, s khoản 1, và một số tình tiết giảm nhẹ khác ở khoản 2 Điều 51; điểm n khoản 1 Điều 123 *(có khung hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình)* xử phạt 17 năm về tội "Giết người"; khoản 1 Điều 157 (*có khung hình phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm*) xử phạt 1 năm 6 tháng về tội "Bắt, giữ người trái pháp luật"; khoản 1 Điều 304 (*có khung hình phạt tù từ 1 năm đến 7 năm*) xử phạt 3 năm tù về tội "Vận chuyển trái phép vũ khí quân dụng" là thỏa đáng. Bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ nào đáng kể để được xem xét chấp nhận. Do vậy

HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và đề nghị của Luật sư; giữ nguyên phần hình phạt như đề nghị của Kiểm sát viên.

[5] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Đinh Văn P, thấy rằng: Bị cáo P là người có vai trò sau bị cáo T, khi nghe bị cáo L rủ rê đến nhà anh P1, bị cáo P hưởng ứng ngay và mang theo 1 con dao; khi đến nhà anh P1, bị cáo là người dùng tay đánh nhiều cái vào mặt và dùng cán dao đánh vào vai anh P1 và ép anh P1 viết giấy nợ. Bị cáo có nhân thân xấu, với hành vi phạm tội như trên; án sơ thẩm đã áp dụng một số tình tiết giảm nhẹ như bồi thường thiệt hại; ăn năn hối cải; thành khẩn khai báo tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; bị cáo có tiền án nên áp dụng điểm h khoản 1 Điều 52; điểm n khoản 1 Điều 123 *(có khung hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình)* xử phạt 17 năm về tội "Giết người"; khoản 1 Điều 157 (*có khung hình phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm*) xử phạt 1 năm 6 tháng về tội "Bắt, giữ người trái pháp luật" là thỏa đáng. Bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ nào đáng kể để được xem xét chấp nhận. Do vậy HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và đề nghị của Luật sư; giữ nguyên phần hình phạt như đề nghị của Kiểm sát viên.

[6] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trương Thái Đ, thấy rằng: Bị cáo Đ là người có vai trò như bị cáo P, khi nghe bị cáo L rủ rê đến nhà anh P1, bị cáo Đ hưởng ứng tích cực và mang theo một con dao; khi đến nhà anh P1, bị cáo là người đứng canh giữ ngay cổng, ngăn cản không cho anh P1 bỏ chạy; Với hành vi phạm tội như trên, án sơ thẩm đã áp dụng một số tình tiết giảm nhẹ như bồi thường thiệt hại; ăn năn hối cải; thành khẩn khai báo tại điểm b, s khoản 1 Điều 51; bị cáo có tiền án nên áp dụng tình tiết tăng nặng điểm h khoản 1 Điều 52; điểm n khoản 1 Điều 123 *(có khung hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình)* xử phạt 17 năm về tội "Giết người"; khoản 1 Điều 157 (*có khung hình phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm*) xử phạt 1 năm 6 tháng về tội "Bắt, giữ người trái pháp luật" là thỏa đáng. Bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ nào đáng kể để được xem xét chấp nhận. Do vậy HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và đề nghị của Luật sư; giữ nguyên phần hình phạt như đề nghị của Kiểm sát viên.

[7] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lê Đ H, thấy rằng: Bị cáo H là người có vai trò thứ yếu, khi nghe bị cáo L rủ rê đến nhà anh P1, bị cáo H hưởng ứng cùng đi; khi đến nhà anh P1, bị cáo vẫn ngồi nguyên trên xe ôtô; sau đó là người trực tiếp lái xe ôtô chở đồng phạm ép anh Đ đi viết giấy

nợ. Với hành vi phạm tội như trên, án sơ thẩm đã áp dụng một số tình tiết giảm nhẹ như bồi thường thiệt hại; ăn năn hối cải; thành khẩn khai báo tại điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 157 (*có khung hình phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm*) xử phạt 1 năm tù về tội "Bắt, giữ người trái pháp luật" là nhẹ so với bị cáo P, nhưng không có kháng nghị tăng nặng, nên không xem xét. Bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ nào đáng kể để được xem xét chấp nhận. Do vậy HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và đề nghị của Luật sư; giữ nguyên phần hình phạt như đề nghị của Kiểm sát viên.

[8] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo C Văn P, thấy rằng: Bị cáo P là người có vai trò thứ yếu, khi nghe bị cáo L rủ rê đến nhà anh P1, bị cáo P hưởng ứng cùng đi; khi đến nhà anh P1, bị cáo vẫn ngồi nguyên trên xe ôtô. Với hành vi phạm tội như trên, án sơ thẩm đã áp dụng một số tình tiết giảm nhẹ như bồi thường thiệt hại; ăn năn hối cải; thành khẩn khai báo; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng tại điểm b, s, i khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 157 (*có khung hình phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm*) xử phạt 1 năm tù về tội "Bắt, giữ người trái pháp luật" là thỏa đáng. Bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ nào đáng kể để được xem xét chấp nhận. Do vậy HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và đề nghị của Luật sư; giữ nguyên phần hình phạt như đề nghị của Kiểm sát viên.

[9] Xét kháng cáo đề nghị tăng nặng hình phạt của Những người đại diện hợp pháp của người bị hại Lê Đình Hữu P1; tại phiên tòa các ông bà Võ Thị H, Lê Thị Bích T, Lê Đình T, Lê Thị Bích T và Lê Hữu N vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo yêu cầu truy cứu trách nhiệm hình sự thêm tội "Cướp tài sản" và tội "Cưỡng đoạt tài sản" đối với tất cả các bị cáo; tội "Giết người" đối với bị cáo P và H; tăng hình phạt tất cả các tội đối với các bị cáo. HĐXX thấy rằng: Tất cả nội dung kháng cáo của người bị hại đã được Tòa án cấp sơ thẩm trả hồ sơ điều tra, cơ quan điều tra đã làm rõ nhưng không có cơ sở kết luận, truy tố các bị cáo về các tội như trên; xét thấy các bị cáo đã được xét xử nghiêm minh, mức án cũng đủ sức ren đe, giáo dục; yêu cầu của đại diện bị hại cũng đã được thẩm định tại các phiên tòa sơ thẩm, nhưng không có cơ sở chấp nhận. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, đại diện người bị hại kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào khác nên không có căn cứ xem xét chấp nhận.

[10] Xét kháng cáo của Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bà La Thị Anh T đề nghị không tịch thu chiếc xe ôtô 81C - 091.00 của bà; HĐXX

thấy rằng: Căn cứ vào các chứng cứ thu thập được tại hồ sơ thì thấy bị cáo L sử dụng xe ôtô 81C - 091.00 chở đồng phạm đi gây án là xe ôtô của cá nhân bị cáo, không có chứng cứ nào thể hiện là xe thuộc sở hữu riêng của bà T hoặc là xe thuộc sở hữu chung của hai người. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm tịch thu sung công là đúng pháp luật, bà T kháng cáo nhưng không có chứng cứ nào mới, nên không có cơ sở chấp nhận.

[11] Về án phí: Do kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Đỗ Ngọc L, Lầu Thái Bảo K, Phạm Văn T, Đinh Văn P, Trương Thái Đ, Lê Đ H và C Văn P không được chấp nhận, nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; kháng cáo của đại diện bị hại và người liên quan không được chấp nhận nhưng không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[12] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đỗ Ngọc L, Lầu Thái Bảo K, Phạm Văn T, Đinh Văn P, Trương Thái Đ, Lê Đ H, C Văn P về việc xin giảm nhẹ hình phạt; không chấp nhận kháng cáo của bà La Thị Anh T đề nghị không tịch thu xe ôtô Toyota biển kiểm soát 81C-091-00; không chấp nhận kháng cáo của những người đại diện hợp pháp của người bị hại Lê Đình Hữu P1, các ông bà Võ Thị H, Lê Thị Bích T, Lê Đình T, Lê Thị Bích T và Lê Hữu N; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2021/HS-ST ngày 20/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Đỗ Ngọc L phạm các tội: "Giết người"; "Bắt, giữ người trái pháp luật" và tội "Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng". Bị cáo Lầu Thái Bảo K phạm các tội: "Giết người"; "Bắt, giữ người trái pháp luật" và tội "Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng". Bị cáo Phạm Văn T phạm các tội: "Giết người"; "Bắt, giữ người trái pháp luật" và tội "Vận chuyển trái phép vũ khí quân dụng". Bị cáo Đinh Văn P và Trương Thái Đ phạm các tội: "Giết người"

và tội "Bắt, giữ người trái pháp luật". Bị cáo Lê Đ H và C Văn P phạm tội "Bắt, giữ người trái pháp luật".

2. Điều luật áp dụng và hình phạt:

- Đối với bị cáo Đỗ Ngọc L:

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo mức án **19** (mười chín) **năm** tù về tội "Giết người".

Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo mức án **02** (hai) **năm** tù về tội "Bắt, giữ người trái pháp luật".

Áp dụng khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo mức án **04** (bốn) **năm** tù về tội "Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng".

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của 03 tội là **25** (hai mươi lăm) **năm** tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/3/2019.

- Đối với bị cáo Lầu Thái Bảo K:

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo mức án **18** (mười tám) **năm** tù về tội "Giết người"

Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo mức án **01** (một) **năm 06** (sáu) **tháng** tù về tội "Bắt, giữ người trái pháp luật".

Áp dụng khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo mức án **04** (bốn) **năm** tù về tội "Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng".

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của 03 tội là **23** (hai mươi ba) **năm 06** (sáu) **tháng** tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính tù ngày 10/01/2019.

- Đối với bị cáo Phạm Văn T:

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo mức án **17** (mười bảy) **năm** tù về tội "Giết người".

Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo mức án **01** (một) **năm 06** (sáu) **tháng** tù về tội "Bắt, giữ người trái pháp luật".

Áp dụng khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo mức án **03** (ba) **năm** tù về tội "Vận chuyển trái phép vũ khí quân dụng".

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của 03 tội là **21** (hai mươi mốt) **năm 06** (sáu) **tháng** tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/01/2019.

- Đối với bị cáo Đinh Văn P:

Áp dụng điểm n, p khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo mức án **18** (mười tám) **năm** tù về tội "Giết người"

Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm s khoản 1, Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo mức án **01** (một) **năm 06** (sáu) **tháng** tù về tội "Bắt, giữ người trái pháp luật".

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của 03 tội là **19** (mười chín) **năm 06** (sáu) **tháng** tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/02/2019.

- Đối với bị cáo Trương Thái Đ:

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo mức án **17** (mười bảy) **năm** tù về tội "Giết người"

Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo mức án **01** (một) **năm 06** (sáu) **tháng** tù về tội "Bắt, giữ người trái pháp luật".

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của 03 tội là **18** (mười tám) **năm 06** (sáu) **tháng** tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22/4/2019.

- Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo **Lê Đ H** mức án **01** (một) **năm** tù về tội "Bắt, giữ người trái pháp luật". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án được trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 15/01/2019 đến ngày 24/01/2019.

- Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm b, s, i khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo **C Văn P** mức án **01** (một) **năm** tù về tội "Bắt, giữ người trái pháp luật". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Về vật chứng: Tịch thu sung công quỹ nhà nước giá trị chiếc xe ôtô Toyota biển kiểm soát 81C-091-00 và Giấy đăng ký xe ôtô mang tên Đỗ Ngọc L.

Các quyết định còn lại của bản án sơ thẩm xét xử không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí: Các bị cáo Đỗ Ngọc L, Lầu Thái Bảo K, Phạm Văn T, Đinh Văn P, Trương Thái Đ, Lê Đ H và C Văn P mỗi bị cáo phải nộp án phí hình sự phúc thẩm là 200.000đ.

Bản án này là phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16/11/2021./.

***Nơi nhận**:*
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Cục T hành án dân sự tỉnh Gia Lai;
- Công an tỉnh Gia Lai;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo (TTG tống đạt cho bị cáo);
- UBND ....(thay cho việc thông báo bằng văn bản);
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án (ĐTT-...).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Trường